TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST Ngày 04/10/2018 V/v: Tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bình.

2. Ông Vũ Đức Luận.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST –HNGĐ ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nông Văn N.

Địa chỉ: Tổ dân phố Na K, Thị trấn M, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vàng Thị Đ.

Địa chỉ: Tổ dân phố Na K, Thị trấn M, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 7 tháng 8 năm 2018 và bản tự khai ngày 8/8/2018 nguyên đơn anh Nông Văn N trình bày: Anh và chị Vàng Thị Đ lấy nhau năm 2012 và đến ngày 16/10/2012 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Thị trấn M, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, thời gian đầu vợ, chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ,chồng không hợp bất đồng quan điểm

sống, mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng tình cảm hai vợ chồng không hàn gắn được. Vì vậy anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị Đ.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai con riêng. Sau khi lấy nhau về sinh được một người con chung là Nông Thùy L sinh ngày 29/12/2012, nguyện vọng của anh nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn anh xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu L.

Về tài sản: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng. Sau khi lấy nhau về chưa tạo dựng được tài sản gì chung ,vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ : Anh và chị Đ không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 8/8/2018 bị đơn chị Vàng Thị Đ trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị và anh Nông Văn N là đúng, đến tháng 07/2018 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau và đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng không hàn gắn được. Chị Đ cho rằng vợ chồng chị vẫn còn tình cảm, chỉ là mâu thuẫn nhỏ chưa trầm trọng đến mức vợ chồng phải ly hôn. Mong Tòa án hòa giải để anh, chị trở về đoàn tụ xây dựng cuộc sống gia đình nuôi dậy con chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 8 năm 2018 bị đơn chị Vàng Thị Đ không đồng ý ly hôn với anh N. Chị Đ cho rằng vợ chồng chị vẫn còn tình cảm, đôi khi xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn chưa đến mức trầm trọng nên chị không đồng ý việc anh N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.Tại biên bản hòa giải ngày 5/9/2018 anh,chị đã thống nhất thuận tình ly hôn nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về con: Chị và anh N trước khi kết hôn không ai con riêng nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về anh, chị sinh được một người con chung là Nông Thùy L sinh ngày 29/12/2012. Nguyện vọng của chị nếu Tòa giải quyết ly hôn với anh N thì chị xin được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu L.

Về tài sản: Chị và anh N không ai có tài sản riêng và tài sản chung gì. về khoản nợ anh, chị không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Vàng Thị Đ theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thông báo hòa giải theo thủ tục chung để giải quyết vụ án. Ngày 27/09/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng chị Vàng Thị Đ đã không có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa ấn định ngày xét xử và tống đạt hợp lệ cho bị đơn Vàng Thị Đ nhưng chị Đ không có mặt. Nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn N và chị Vàng Thị Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 và đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2012 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn M, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Tại biên bản hòa giải ngày 5/9/2018 anh, chị đã thống nhất thuận tình ly hôn nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. Về con: Trong thời gian chung sống, anh chị sinh được một người con chung là cháu Nông Thùy L sinh ngày 29/12/2012. Nguyện vọng của anh N nếu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ anh xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu L. Còn nguyện vọng của chị Đ nếu xin ly hôn, chị sẽ xin nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu L. Tòa xét thấy hiện nay cháu Nông Thùy L đang ở với anh N và ông bà nội tại tổ dân phố Na K, Thị trấn M, huyện Mường khương chị Đ lại đi làm ăn xa không có mặt ở nhà nên giao cháu L cho anh N nuôi dưỡng, giáo dục. Tòa án yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ, anh N cung cấp mức thu nhập của Ủy ban nhân dân Thị trấn M xác nhận là 240.000 đồng/ 01 ngày x 30 ngày = 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm ngàn đồng)/tháng, còn chị Đ cung cấp mức thu nhập mà Ủy ban nhân dân Thị trấn M xác nhận là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Như vậy anh N có thu nhập cao hơn và đủ điều kiện chăm nom, nuôi dưỡng cháu L. Vì vậy nên giao cháu Nông Thùy L cho anh Nông Văn N chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Nên áp dụng khoản 1,2 điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Anh N và chị Đ không có tài sản riêng và tài sản chung, về khoản nợ cũng không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nông Văn N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55 ; Khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nông Văn N và chị Vàng Thị Đ.

Xử: Giao cháu Nông Thùy L sinh ngày 29/12/2012 cho anh Nông Văn N chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Đ không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Chị Vàng Thị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Anh Nông Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0000249 ngày 8/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Anh Nông Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vàng Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND Thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Hải Quân

-